SINCE 1955

DEVICO

www.devico.co.kr

DONG-A PRODUCTS GUIDE

- Molded Case Circuit Breakers
- Earth Leakage Circuit Breakers
- Air Circuit Breakers
- Magnetic Contactors / Switches
- Thermal Overload Relays
- Auto Transfer Switches

DONG®A ELECTRIC DEVICE CO.,LTD.

MADE IN KOREA

Mong Ước

Thúc đẩy sự phát triển là mục tiêu của công nghệ DEVICO. Công nghệ tiên tiến của chúng tôi trân trọng chủ nghĩa nhân văn và giúp thực hiện hóa ước mơ.

Phát Triển

Công nghệ tiên tiến của DEVICO đang đi đầu trong lĩnh vực công nghiệp điện và điện tử. Chúng tôi mơ ước về một thế giới kỹ thuật số phát triển, thuận tiện và đầy triển vọng.

Dịch Vụ

Dịch vụ DEVICO hướng đến một môi trường xanh hơn và sạch hơn với mục tiêu hài hòa giữa con người và thiên nhiên. Các dịch vụ được cung cấp theo định hướng tương lai và thân thiện với môi trường.

ELCB & MCCB (Molded Case Circuit Breakers & Earth Leakage Circuit Breakers) Trang 3~8

- Dòng DBE/DB là những dòng cắt nhỏ và mang tính kinh tế, giúp bảo vệ nguy cơ cháy nổ và thiệt hại thiết bị do quá tải, ngắn mạch. Chúng tôi chọn loại điện hoàn chỉnh và loại điện nhiệt là đặc tính mang lại hiệu quả tốt nhất.
- Ngoài ra, khi chúng ta chuẩn hóa kích thước, có khả năng tương thích rất lớn để dễ dàng gắn các loại phụ kiện khác.
- Mọi yêu cầu của các bạn chúng tôi sẽ đáp ứng được tốt nhất.

Tính năng, đặc điểm

- Cùng kích thước với MCCB và ELCB
- ELCB 4P có cùng kích thước với MCCB, có thể dễ dàng xây dựng bảng phân phối
- Cài đặt đơn giản, khả năng bảo vệ cao và tối ưu
- Dễ dàng kiểm tra bằng trip unit.

Breaker for Distribution Board (MCCB & ELCB) Trang 9~11

Tính năng, đặc điểm

- Có cùng kích thước với Wiring Breaker và Electric Leakage Breaker (30~100AF)
- Đơn giản hóa và giảm thiểu 60% kích thước so với sản phẩm cũ loại 3P và 4P
- Dễ dàng xây dựng bảng phân phối bằng kích thước của bộ đóng ngắt khác

MC&MS (Magnetic Contactors & Magnetic Switches) Trang 12~14

- Contactor từ tính của chúng tôi dựa trên kỹ thuật tích tũy trong thời gian dài và được thiết kế phù hợp để xuất khẩu theo chứng chỉ quốc tế. Ngoài ra, hệ thống dây điện và kiểm tra đơn giản mang lại sự hài lòng cho khách hàng.
- Bằng cách sử dụng tiếp xúc hợp kim bạc và chuyển động ổn định đảm bảo tuổi thọ cơ học cao và lâu dài.

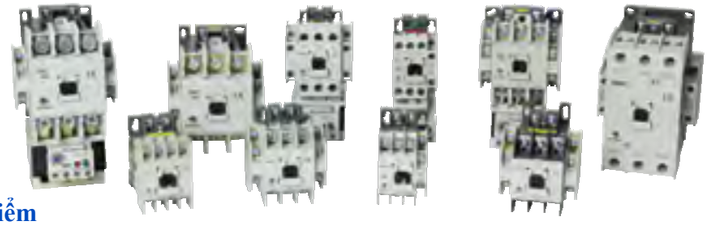

Tính năng, đặc điểm

- Không tiếng ồn (Electric & Mechanical)
- Có độ tin cậy cao bằng cách tăng độ ổn định tiếp xúc
- Tiêu thụ điện năng tối thiểu
- Dễ dàng tách ra bằng cách sử dụng modun tiếp điểm phụ
- Lắp đặt nắp để bảo vệ khỏi sự va chạm
- AC điều khiển hệ thống kích DC để nhúng điện áp
- Giấp chứng nhận nước ngoài (CE, VDE, CCC, TUV)

new

AIR CIRCUIT BREAKERS & AUTOMATIC TRANSFER SWITCHES Trang 23~26

Tính năng, đặc điểm của DACB

- Hài lòng với sự đa dạng và độ an toàn
- Nâng cao độ tin cậy với cấu trúc xác nhận nguyên nhân của vấn đề theo từng bước.

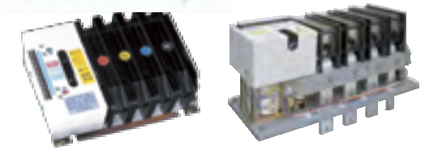

Tính năng, đặc điểm của DACB

- Thiết bị chốt tuyệt vời có dòng chảy dồi dào bằng cách chọn phương pháp hai cuộn dây (loại TS, TN).
- Nổi bậc trong việc nung chảy trên cường độ hiện tại và phương pháp một cuộn dây (loại MS, MSN).
- Được thiết kế để bảo vệ nguy cơ xảy ra tai nạn do lệch pha một cách hiệu quả, đặc biệt là tại các điểm sử dụng một pha.

MCCB 630AF Trang 21

Tính năng, đặc điểm

- Đơn vị dập tắt hồ quang.
- Ứng dụng SAPO là bằng sáng chế của chúng tôi (SAPO : Self Arc - Chức năng đẩy ra).
- Dễ dàng tạo không gian bằng cách thu nhỏ kích thước 210x275x103 (600AF) thành 140x257x103 (400AF).
- Có cùng kích thước với MCCB, ELCB và ZCT âm tường.
- Tối đa hóa sự thuận tiện kiểm soát bằng cách sử dụng hộp mực phụ kiện.

Home Panel Board Trang 11

Tính năng, đặc điểm

- Tối ưu cho mạch nhánh nhà.
- Phạm vi rộng cho sự lựa chọn theo sự đa dạng hóa của dòng điện định mức.
- Hiệu suất ngắt tuyệt vời bằng cách âm tường điện từ của cấu trúc giới hạn dòng điện (6kA tại 220V).

Aptomat (MCCB) Loại kinh tế

Frame Size(AF)			30AF		50AF			60AF			100AF			225AF			400AF			600AF			new 630AF			800AF		
Model			DB32Cb	DB33Cb	DB52Cb	DB53Cb	DB54Cb	DB62Cb	DB63Cb	DB64Cb	DB102Cb	DB103Cb	DB104Cb	DB202Cb	DB203Cb	DB204Cb	DB402C	DB403C	DB404C	DB602C	DB603C	DB604C	DB632C	DB633C	DB634C	DB802C	DB803C	DB804C
Number of Poles			2	3	2	3	4	2	3	4	2	3	4	2	3	4	2	3	4	2	3	4	2	3	4	2	3	4
ZCT Built-In					0			0			0			0			0											
Rating	Rated Current	A	(5,10) (Note1) 15, 20, 30		(5,10)15, 20, 30, 40, 50			15, 20, 30, 40, 50, 60			15, 20, 30, 40, 50, 60, 75, 100			125, 150, 175, 200, 225			250, 300, 350, 400			500, 600			500, 600, 630			700, 800		
	Rated Voltage	AC(V)	460		600			600			600			600			600			600			600			600		
		DC(V)	125		250		–	250		–	250		–	250		–	250		–	250		–	250		–	250		
	Rated Insulation Voltage	V	460		690			690			690			690			690			690			690			690		
Ultimate Breaking	AC	600V	–		5			5			7.5			7.5			18			22			22			22		
Capacity(kA)		480/500V	–		7.5			7.5			10			10			22			25			25			25		
KSC 8321(Sym)		460V	(2.5)5		(5)10			10			14			18			30			35			35			35		
ICE60947-2(Icu)		415V	5		10			10			14			18			30			35			35			35		
Ics=0.5Icu		380V	5		14			14			18			18			30			42			42			42		
		220V	(5)10		(10)25			25			25			35			42			50			50			50		
	DC	250V	(5)10		5		–	5		–	7.5		–	10		–	10		–	20		–	20		–	20		–
		125V	–		10		–	10		–	14		–	15		–	20		–	30		–	30		–	30		–
Over Current Trip			Oil Dash Pot		Oil Dash Pot			Oil Dash Pot			Oil Dash Pot			Thermal Magnetic			Thermal Magnetic			Thermal Magnetic			Thermal Magnetic			Thermal Magnetic		
Accessories	Auxiliary switch	AX	–		○			○			○			○			○			○			○			○		
	Alarm switch	AL	–		○			○			○			○			○			○			○			○		
	Shunt trip	SHT	–		○			○			○			○			○			○			○			○		
	Direct rotary handle	DH	–		○			○			○			○			–			–			–			–		
	Terminal shield		–		○			○			○			○			○			–			–			–		
	Insulation barrier		–		○			○			○			○			○			○			○			○		
External Dimensions(mm)	a		50	75	50	75	100	50	75	100	50	75	100	105		140	140		184	210		280	140		184	210		280
	b		96		130			130			130			165			257			275			257			275		
	c		60		60			60			60			60			103			103			103			103		
	d		80		80			80			80			82.5			133			149			133			149		
Certificates Obtained			KS, CE		KS, CE			KS, CE			KS, CE			KS	KS, CE		KS	KS(350,400A Except),CE		KS	KS, CE		KS	KS, CE		KS	KS, CE	

Aptomat (MCCB) Loại tiêu chuẩn

Frame Size(AF)			30AF			50AF			60AF			100AF			225AF			400AF			600AF			new 630AF			800F		
Model			DB32Sb	DB33Sb	DB34Sb	DB52Sb	DB53Sb	DB54Sb	DB62Sb	DB63Sb	DB64Sb	DB102Sb	DB103Sb	DB104Sb	DB202Sb	DB203Sb	DB204Sb	DB402S	DB403S	DB404S	DB602S	DB603S	DB604S	DB632S	DB633S	DB634S	DB802S	DB803S	DB804S
Number of Poles			2	3	4	2	3	4	2	3	4	2	3	4	2	3	4	2	3	4	2	3	4	2	3	4	2	3	4
ZCT Built-In				0			0			0			0			0			0										
Rating	Rated Current	A	5, 10, 15, 20, 30			15, 20, 30, 40, 50			15, 20, 30, 40, 50, 60			15, 20, 30, 40, 50, 60, 75, 100			100, 125, 150, 175, 200, 225			250, 300, 350, 400			500, 600			500, 600, 630			700, 800		
	Rated Voltage	AC(V)	600			600			600			600			600			600			600			600			600		
		DC(V)	250		–	250		–	250		–	250		–	250		–	250			250		–	250		–	250		–
	Rated Insulation Voltage	V	690			690			690			690			690			690			690			690			690		
Ultimate Breaking	AC	600V	5			7.5			7.5			10			10			22			25			25			25		
Capacity(kA)		480/500V	7.5			10			10			14			14			25			45			45			45		
KSC 8321(Sym)		460V	10			14			14			25			25			35			50			50			50		
ICE60947-2(Icu)		415V	10			14			14			25			25			35			50			50			50		
Ics=0.5Icu		380V	14			18			18			25			25			42			65			65			65		
		220V	25			25			25			50			50			50			100			100			100		
	DC	250V	5		–	7.5		–	7.5			14			14		–	20		–	40		–	40		–	40		–
		125V	10		–	14		–	14			20			20		–	30		–	50		–	50		–	50		–
Over Current Trip			Oil Dash Pot			Oil Dash Pot			Oil Dash Pot			Thermal Magnetic			Thermal Magnetic			Thermal Magnetic			Thermal Magnetic			Thermal Magnetic			Thermal Magnetic		
Accessories	Auxiliary switch	AX	○			○			○			○			○			○			○			○			○		
	Alarm switch	AL	○			○			○			○			○			○			○			○			○		
	Shunt trip	SHT	○			○			○			○			○			○			○			○			○		
	Direct rotary handle	DH	○			○			○			○			○			–			–			–			–		
	Terminal shield		○			○			○			○			○			○			–			–			–		
	Insulation barrier		○			○			○			○			○			○			○			○			○		
External Dimensions(mm)	a		50	75	100	50	75	100	50	75	100	60	90	120	105		140	140		184	210		280	140		184	210		280
	b		130			130			130			155			165			257			275			257			275		
	c		60			60			60			60			60			103			103			103			103		
	d		80			80			80			80			82.5			133			149			133			149		
Certificates Obtained			KS, CE			KS, CE			KS, CE			KS	KS, CE		KS	KS, CE		KS	KS, CE		KS	KS, CE		KS	KS, CE		KS	KS, CE	

※Vui lòng viết thêm "ZCT" bên cạnh tên sản phẩm khi bạn đặt mua loại ZCT. (ex : DB104CB-ZCT)

Aptomat (MCCB)
Loại dòng cắt cao

Frame Size(AF)			30AF			50AF			100AF			225AF			400AF		
Model			DB32Hb	DB33Hb	DB34Hb	DB52Hb	DB53Hb	DB54Hb	DB102Hb	DB103Hb	DB104Hb	DB202Hb	DB203Hb	DB204Hb	DB402H	DB403H	DB404H
Number of Poles			2	3	4	2	3	4	2	3	4	2	3	4	2	3	4
ZCT Built-In				0			0			0			0			0	
Rating	Rated Current	A		15, 20, 30			15, 20, 30, 40, 50			15, 20, 30, 40, 50, 60, 75, 100			100, 125, 150, 175, 200, 225			250, 300, 350, 400	
	Rated Voltage	AC(V)		600			600			600			600			600	
		DC(V)	250		–	250		–	250		–	250		–	250		–
	Rated Insulation Voltage	V		690			690			690			690			690	
Ultimate Breaking Capacity(kA) KS C 8321(Sym) IEC60947-2(Icu) Ics=0.5Icu	AC	600V		7.5			10			18			18			25	
		480/500V		10			14			25			25			35	
		460V		14			25			35			35			50	
		415V		14			25			35			35			50	
		380V		18			25			35			35			65	
		220V		25			50			65			65			85	
	DC	250V	7.5		–	14		–	18		–	18		–	40		–
		125V	14		–	20		–	25		–	25		–	50		–
Over Current Trip				Oil Dash Pot			Thermal Magnetic			Thermal Magnetic			Thermal Magnetic			Thermal Magnetic	
Accessories	Auxiliary switch	AX		○			○			○			○			○	
	Alarm switch	AL		○			○			○			○			○	
	Shunt trip	SHT		○			○			○			○			○	
	Direct rotary handle	DH		○			○			○			○			–	
	Terminal shield			○			○			○			○			○	
	Insulation barrier			○			○			○			○			○	
External Dimensions(mm)		a	50	75	100	60	90	120	60	90	120	105		140	140		184
		b		130			155			155			165			257	
		c		60			60			60			60			95	
		d		80			80			80			82.5			154	
Certificates Obtained				KS, CE			KS, CE			KS, CE			KS		KS		KS, CE

Aptomat (MCCB)
Loại giới hạn dòng cắt

Frame Size(AF)			new 50AF		new 100AF		new 225AF		400AF		600AF		new 630AF		800AF		
Model			DB53L	DB54L	DB103L	DB104L	DB203L	DB204L	DB403L	DB404L	DB603L	DB604L	DB633L	DB634L	DB802L	DB803L	DB804L
Number of Poles			3	4	3	4	3	4	3	4	3	4	3	4	2	3	4
ZCT Built-In			0		0		0		0								
Rating	Rated Current	A	20, 30, 40, 50		20, 30, 40, 50, 60, 75, 100		125, 150, 175, 200, 225		250, 300, 350, 400		500, 600		500, 600, 630		700, 800		
	Rated Voltage	AC(V)	600		600		600		600		600		600		600		
		DC(V)	250	–	250	–	250	–	250	–	250	–	250	–	250		–
	Rated Insulation Voltage	V	690		690		690		690		690		690		690		
Ultimate Breaking Capacity(kA) KS C 8321(Sym) IEC60947-2(Icu) Ics=0.5Icu	AC	600V	35		35		35		35		30		30		30		
		480/500V	42		42		42		50		65		65		65		
		460V	65		65		65		65		85		85		85		
		415V	65		65		65		65		85		85		85		
		380V	65		65		65		65		100		100		100		
		220V	125		125		125		125		125		125		125		
	DC	250V	40	–	40	–	40	–	40	–	40	–	40	–	40		–
		125V	60	–	60	–	60	–	60	–	60	–	60	–	660		–
Over Current Trip			Thermal Magnetic		Thermal Magnetic		Thermal Magnetic		Thermal Magnetic		Thermal Magnetic		Thermal Magnetic		Thermal Magnetic		
Accessories	Auxiliary switch	AX	–		–		–		○		○		○		○		
	Alarm switch	AL	–		–		–		○		○		○		○		
	Shunt trip	SHT	–		–		–		○		○		○		○		
	Direct rotary handle	DH	–		–		–		–		–		–		–		
	Terminal shield		–		–		–		○		–		–		–		
	Insulation barrier		○		○		○		○		○		○		○		
External Dimensions(mm)		a	105	140	105	140	105	140	140	184	210	280	140	184	210		280
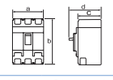		b	165		165		165		257		275		257		275		
		c	78.9		78.9		78.9		103		103		103		103		
		d	109		109		109		154		149		154		149		
Certificates Obtained			Safety Certificate		Safety Certificate		Safety Certificate		KS, CE		–		–		–		

※Vui lòng viết thêm "ZCT" bên cạnh tên sản phẩm khi bạn đặt mua loại ZCT. (ex : DB104CB-ZCT)

Thiết bị chống dòng rò (ELCB) Loại kinh tế

Frame Size(AF)			30AF		50AF			60AF	100AF			225AF			400AF
Model			DBE32Cb	DBE33Cb	DBE52Cb	DBE53Cb	DBE54Cb	DBE63Cb	DBE102Cb	DBE103Cb	DBE104Cb	DBE202Cb	DBE203Cb	DBE204Cb	DBE403C
Number of Poles			2P2E	3P3E	2P2E	3P3E	4P3E	3P3E	2P2E	3P3E	4P3E	2P2E	3P3E	4P3E	3P3E
Rating	Protective Function		For Both Overload and Short Circuit Protection		For Both Overload and Short Circuit Protection			For Both Overload and Short Circuit Protection	For Both Overload and Short Circuit Protection			For Both Overload and Short Circuit Protection			For Both Overload and Short Circuit Protection
	Rated Voltage	AC(V)	220	460	220	460		460	220	460		460			460
	Rated Impulse Voltage	[kV]	6		6			6	6			6			6
	Rated Current	[A]	15, 20, 30		15, 20, 30, 40, 50			60	15, 20, 30,40 50, 60, 75, 100			100, 125, 150, 175, 200, 225			250, 300 350, 400
	Rated Sensitivity Current	[mA]	15, 30		30, 100/200/500			30, 100/200/500	100/200/500			100/200/500			200/500
	Tripping Time	[sec]	Within 0.03 Second	Within 0.1 Second	Within 0.1 Second			Within 0.1 Second	Within 0.1 Second			Within 0.1 Second			Within 0.1 Second
Ultimate Breaking Capacity	Icu AC	460/415V	–	5	10			10	14			18			30
KSC 4613(Sym)	Ics=0.5Icu	240/220V	10	10	25			25	25			35			42
Over Current Trip			Oil Dash Pot		Oil Dash Pot			Oil Dash Pot	Oil Dash Pot			Thermal Magnetic			Thermal Magnetic
Accessories	Auxiliary switch	AX	–	○	○			○	○			○			○
	Alarm switch	AL	–	○	○			○	○			○			○
	Direct rotary handle	DH	–	○	○			○	○			○			–
	Termial shield		–	○	○			○	○			○			–
	Insulation barrier		–	○	○			○	○			○			○
External Dimensions(mm)	a		50	75	75		100	75	75		100	105		140	140
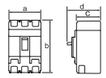	b		96		130			130	130			165			345
	c		60		60			60	60			60			103
	d		80		80			80	80			82.5			133
Certificates Obtained			KS, CE		KS, CE			KS, CE	KS, CE			KS, CE			KS(350, 400 Except)

Thiết bị chống dòng rò (ELCB) Loại tiêu chuẩn

Frame Size(AF)			30AF	50AF			60AF	100AF			225AF			400AF
Model			DBE33Sb	DBE52Sb	DBE53Sb	DBE54Sb	DBE63Sb	DBE102Sb	DBE103Sb	DBE104Sb	DBE202Sb	DBE203Sb	DBE204Sb	DBE403S
Number of Poles			3P3E	2P2E	3P3E	4P3E	3P3E	2P2E	3P3E	4P4E	2P2E	3P3E	4P3E	3P3E
Rating	Protective Function		For Both Overload and Short Circuit Protection	For Both Overload and Short Circuit Protection			For Both Overload and Short Circuit Protection	For Both Overload and Short Circuit Protection			For Both Overload and Short Circuit Protection			For Both Overload and Short Circuit Protection
	Rated Voltage	AC(V)	460	220	460		460	220	460		460			460
	Rated Impulse Voltage	[kV]	6	6			6	6			6			6
	Rated Current	[A]	10, 15, 20, 30	15, 20, 30, 40, 50			60	15, 20, 30,40 50, 60, 75, 100			100, 125, 150, 175, 200, 225			250, 300 350, 400
	Rated Sensitivity Current	[mA]	30, 100/200/500	30, 100/200/500			30, 100/200/500	100/200/500			100/200/500			200/500
	Tripping Time	[sec]	Within 0.1 Second	Within 0.1 Second			Within 0.1 Second	Within 0.1 Second			Within 0.1 Second			Within 0.1 Second
Ultimate Breaking Capacity	Icu AC	460/415V	10	14			14	25			25			35
KSC 4613(Sym)	Ics=0.5Icu	240/220V	25	25			25	50			50			50
Over Current Trip			Oil Dash Pot	Oil Dash Pot			Oil Dash Pot	Thermal Magnetic			Thermal Magnetic			Thermal Magnetic
Accessories	Auxiliary switch	AX	○	○			○	○			○			○
	Alarm switch	AL	○	○			○	○			○			○
	Direct rotary handle	DH	○	○			○	○			○			○
	Termial shield		○	○			○	○			○			–
	Insulation barrier		○	○			○	○			○			○
External Dimensions(mm)	a		75	75		100	75	90		120	105		140	140
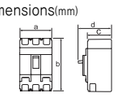	b		130	130			130	155			165			345
	c		60	60			60	60			60			103
	d		80	80			80	80			82.5			133
Certificates Obtained			KS, CE	KS, CE			KS, CE	KS			KS			KS(350, 400 Except)

Thiết bị chống dòng rò (ELCB) Loại dòng cắt cao

Frame Size(AF)			30AF	50AF			100AF			225AF			400AF
Model			DBE33Hb	DBE52Hb	DBE53Hb	DBE54Hb	DBE102Hb	DBE103Hb	DBE104Hb	DBE202Hb	DBE203Hb	DBE204Hb	DBE403H
Number of Poles			3P3E	2P2E	3P3E	4P3E	2P2E	3P3E	4P3E	2P2E	3P3E	4P3E	3P3E
Rating	Protective Function		For Both Overload and Short Circuit Protection	For Both Overload and Short Circuit Protection			For Both Overload and Short Circuit Protection			For Both Overload and Short Circuit Protection			For Both Overload and Short Circuit Protection
	Rated Voltage	AC(V)	460	220	460		220	460		460			460
	Rated Impulse Voltage	[kV]	6	6			6			6			6
	Rated Current	[A]	15, 20,30	15, 20, 30, 40, 50			15, 20, 30, 40, 50, 60, 75, 100			100, 125, 150, 175, 200, 225			250, 300 350, 400
	Rated Sensitivity Current	[mA]	30, 100/200/500	100/200/500			100/200/500			100/200/500			200/500
	Tripping Time	[sec]	Within 0.1 Second	Within 0.1 Second			Within 0.1 Second			Within 0.1 Second			Within 0.1 Second
Ultimate Breaking Capacity	Icu AC	460/415V	14	25			35			35			50
KSC 4613(Sym)	Ics=0.5Icu	240/220V	25	50			65			65			85
Over Current Trip			Oil Dash Pot	Thermal Magnetic			Thermal Magnetic			Thermal Magnetic			Thermal Magnetic
Accessories	Auxiliary switch	AX	○	○			○			○			○
	Alarm switch	AL	○	○			○			○			○
	Direct rotary handle	DH	○	○			○			○			–
	Termial shield		○	○			○			○			–
	Insulation barrier		○	○			○			○			○
External Dimensions(mm)	a		75	90		120	90		120	105		140	140
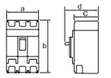	b		130	155			155			165			345
	c		60	60			60			60			103
	d		80	80			80			82.5			133
Certificates Obtained			KS	KS	KS, CE		KS			KS			KS(350, 400 Except)

Aptomat cho bảng phân phối (MCCB)

SERIES		DBH Series			DSB Series																DB-F Series					
Frame Size(AF)		30AF			30AF						30AF				50AF						50AF				30AF		50AF		100AF	
Model		DBH32b	DBH32bL	DBH32C	DSB32b	DSB32s	DSB32h	DSB33b	DSB33s	DSB33h	DSB34b	DSB34s	DSB34h	DSB52b	DSB52s	DSB52h	DSB53b	DSB53s	DSB53h	DSB54b	DSB54s	DSB54h	DB32F	DB33F	DB52F	DB53F	DB102F	DB103F
Number of Poles & Element		2P2E			2P2E			3P3E			4P3E			2P2E			3P3E			4P3E			2P2E	3P3E	2P2E	3P3E	2P2E	3P3E
Rating	Rated Current A	15, 20, 30		20, 30	15, 20, 30									15, 20, 30, 40, 50									(5,10), 15, 20, 30		15, 20, 30, 40, 50		60, 75, 100	
	Rated Voltage AC(V)	220			220			460						220			460						460		460		460	
Ultimate Breaking Capacity	AC 460V	–			–			1.5	2.5	5	1.5	2.5	5	–			1.5	2.5	5	1.5	2.5	5	–	(2.5)5	5		5	
	220V	2.5			2.5	5	10	2.5	5	10	–			2.5	5	10	2.5	5	10	–			(5)10	10	10		10	
External Dimensions(mm)	a	33			35			54			73.5			35			54			73.5			50	75	50	75	50	75
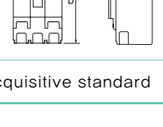	b	70		82	80			80			80			80			80			80			96		96		96	
	c	42	38	38	60			60			60			60			60			60			60		60		60	
	d	56			76			76			76			76			76			76			80		80		80	
Certificates Obtained		KS, CE			KS, CE			KS, CE			KS, CE			KS, CE			KS, CE			KS, CE			KS, CE		KS, CE		KS, CE	

Thiết bị cho bảng phân phối (ELCB) Chống dòng rò

SERIES		DEH Series			DSE Series																DBE-F Series					
Frame Size(AF)		30AF			30AF			30AF			30AF			50AF						50AF			30AF		50AF		100AF	
Model		DEH32AL	DEH32Ab	DEH32b	DSE32b	DSE32s	DSE32h	DSE33b	DSE33s	DSE33h	DSE34b	DSE34s	DSE34h	DSE52b	DSE52s	DSE52h	DSE53b	DSE53s	DSE53h	DSE54b	DSE54s	DSE54h	DBE32Fb	DBE33F	DBE52Fb	DBE53F	DBE102Fb	DBE103F
Number of Poles & Element		2P2E			2P2E			3P3E			4P3E			2P2E			3P3E			4P3E			2P2F	3P3F	2P2F	3P3F	2P2F	3P3F
Rating	Rated Current A	15, 20, 30			15, 20, 30									15, 20, 30, 40, 50									15, 20, 30		15, 20, 30, 40, 50		60, 75, 100	
	Rated Voltage AC(V)	220			220			460						220			460						220	460	220	460	220	460
	Rated Sensitivity Current mA	15, 30			15, 30			30, 100/200/500			30, 100/200/500			15, 30			30, 100/200/500			30, 100/200/500			15, 30		15, 30		30	
	Rated Non-Tripping Current mA	7.5, 15			7.5, 15			15, 50/100/250			15, 50/100/250			7.5, 15			15, 50/100/250			15, 50/100/250			7.5, 15		7.5, 15		15	
	Operating Time sec	Within 0.03 Second			Within 0.03 Second			Within 0.1 Second			Within 0.1 Second			Within 0.03 Second			Within 0.1 Second			Within 0.1 Second			Within 0.03 Second	Within 0.1 Second	Within 0.03 Second	Within 0.1 Second	Within 0.03 Second	Within 0.1 Second
Ultimate Breaking Capacity	AC 460V	–			–			1.5	2.5	5	1.5	2.5	5	–			1.5	2.5	5	1.5	2.5	5	–	5	–	5	–	5
	220V	2.5			2.5	5	10	–			–			2.5	5	10	–			–			10	10	10	10	10	10
External Dimensions(mm)	a	33		62	35			54			73.5			35			54			73.5			50	75	50	75	50	75
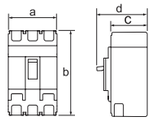	b	70		82	80			80			80			80			80			80			96		96		96	
	c	38	42	40.5	60			60			60			60			60			60			60		60		60	
	d	56		56	76			76			76			76			76			76			80		80		80	
Acquisitive standard		KS, CE			KS, CE			KS, CE			KS, CE			KS, CE			KS, CE			KS, CE			KS, CE	KS, CE	KS, CE	KS, CE	KS, CE	KS, CE

※ Vui lòng viết "L" phía sau tên mẫu khi đặt hàng loại "Lug" trong loại DSB(E)

Ứng dụng

Bộ ngắt dòng nhỏ Bk6 có thể được sử dụng cho mạch AC 50Hz, 230V ở cực đơn, 400V ở cực đôi, ba cực để bảo vệ quá tải và ngắn mạch. Trong khi đó, chúng cũng được sử dụng để bật hoặc tắt thiết bị điện và mạch chiếu sáng trong điều kiện bình thường.

Sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn IEC898.

Đặc tính kỹ thuật

Frame Size(AF)	BK61	BK62	BK63	BK64
No. of Pole	1	2	3	4
Rated Voltage	230V/400V			
Electronical Life	4000 times			
Mechanical Life	10000 times			
Rated Current	1,2,3,4,6,10,16,20,25,32,40,50,63A			
Ingress Protection	IP20			
Breaking Capacity	6kA			

Đường cong đặt trưng

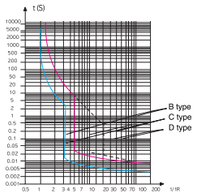

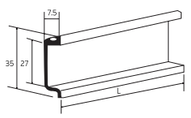

Kích thước

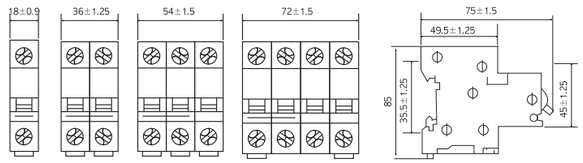

new

Bảng điều khiển

Tính năng, đặc điểm

- Tối ưu cho mạch nhánh nhà
- Phạm vi rộng cho sự lựa chọn theo sự đa dạng của dòng điện định mức
- Hiệu quả ngắt mạch tuyệt vời bằng cách âm điện từ của cấu trúc giới hạn dòng điện

new

Danh sách mô hình tiêu chuẩn

MODEL				DM50C	DM65C
Rating KS C 4504	3-Phase Cage Motor	AC3	200-220V	11kW 50A	15kW 65A
			380-440V	22kW 48A	30kW 65A
			500-550V	22kW 38A	37kW 60A
		AC4	200-220V	7.5kW 35A	11kW 50A
			380-440V	15kW 32A	22kW 47A
	Single Phase Motor		110V	-	-
			220V	-	-
	Resistance Load (DC1)	2-Pole Serial	110V	35A	35A
			220V	15A	15A
		3-Pole Serial	110V	50A	65A
			220V	40A	50A
Durability (10,000 Times)			Electrical	200	200
			Mechanical	1200	1200
External Operation Handle(Surface Type)				2a2b	2a2b
Auxiliary Contact	Side-on			DAU2Sb	DAU2Sb
	Head-on			DAU-2C, DAU-4C	DAU-2C, DAU-4C
Installation Method				For both screw and rail installations	
External Dimensions(mm) (W×H×D)				79×109×119.5	
Installation Dimensions(mm) (Width×Length)				41~47×92~100	
Applied Model	Contactor		Reversible Type	-	-
	Switch		Standard	-	-
			Reversible Type	-	-
			Enclosed Type	-	-
Thermal Overload Relay			Standard	DTH85(NOTE 1)	
			Independent Type	-	

MODEL				DM75C	DM85C	DM100C
Rating KS C 4504	3-Phase Cage Motor	AC3	200-220V	18.5kW 75A	19kW 80A	25kW 100A
			380-440V	37kW 75A	37kW 80A	50kW 100A
			500-550V	37kW 64A	45kW 75A	55kW 80A
		AC4	200-220V	13kW 55A	15kW 65A	19kW 80A
			380-440V	25kW 52A	30kW 62A	37kW 75A
	Single Phase Motor		110V	-	-	-
			220V	-	-	-
	Resistance Load (DC1)	2-Pole Serial	110V	50A	50A	80A
			220V	20A	20A	50A
		3-Pole Serial	110V	70A	80A	100A
			220V	55A	60A	80A
Durability (10,000 Times)			Electrical	200	200	200
			Mechanical	1200	1200	1200
External Operation Handle(Surface Type)				2a2b	2a2b	2a2b
Auxiliary Contact	Side-on			DAU2Sb	DAU2Sb	DAU2Sb
	Head-on			DAU-2C, DAU-4C	DAU-2C, DAU-4C	DAU-2C, DAU-4C
Installation Method						For both screw and rail installations
External Dimensions(mm) (W×H×D)				94×140.5×134.4		
Installation Dimensions(mm) (Width×Length)				55~60×130		
Applied Model	Contactor		Reversible Type	-	-	-
	Switch		Standard	-	-	-
			Reversible Type	-	-	-
			Enclosed Type	-	-	-
Thermal Overload Relay			Standard	DTH85(NOTE 1)		
			Independent Type	-		

NOTE 1) DTH85 là loại đơn và dùng để thay đổi.

Danh sách các dòng tiêu chuẩn

MODEL				DMC9b	DMC12b	DMC18b	DMC22b	DMC32b	DMC40b	DMC48b
Rating KS C 4504	3-Phase Cage Motor	AC3	200-220V	2.2kW 11A	2.7kW 13A	3.7kW 18A	4kW 20A	5.5kW 26A	7.5kW 35A	11kW 48A
			380-440V	2.7kW 7A	4kW 9A	5.5kW 13A	7.5kW 20A	11kW 25A	15kW 32A	15kW 35A
			500-550V	2.7kW 7A	5.5kW 9A	5.5kW 13A	5.5kW 17A	11kW 20A	15kW 25A	15kW 28A
		AC4	200-220V	1.5kW 8A	2.2kW 11A	3.7kW 18A	3.7kW 18A	4.5kW 20A	5.5kW 25A	7.5kW 30A
			380-440V	2.2kW 6A	4kW 9A	4kW 9A	5.5kW 13A	7.5kW 17A	11kW 24A	11kW 28A
	Single Phade Motor		110V	0.4kW 11A	0.5kW 13A	0.75kW 18A	0.9kW 20A	1.2kW 26A	1.7kW 35A	-
			220V	0.8kW 11A	1kW 13A	1.5kW 18A	1.8kW 20A	-	-	-
	Resistance Load (DC1)	2-Pole Serial	110V	6A	10A	13A	15A	25A	25A	35A
			220V	3A	7A	8A	12A	12A	12A	15A
		3-Pole Serial	110V	8A	12A	18A	20A	25A	35A	50A
			220V	8A	12A	18A	20A	22A	30A	40A
Continuous Current AC 1(Ith)				25A	25A	40A	40A	50A	60A	70A
Durability (10,000 Times)			Electrical	250	250	250	250	200	200	200
			Mechanical	2500	2500	2500	2500	1500	1500	1500
External Operation Handle(Surface Type)				1a1b	1a1b	1a1b	1a1b	2a2b	2a2b	2a2b
Auxiliary Contact	Side-on			DAU2Sb				DAU2Sb		
	Head-on			DAU2Sb, DAU4b				DAU2Sb, DAU4b		
Installation Method				For both screw and rail installations				For both screw and rail installations		
External Dimensions(mm) (W×H×D)				44×80×86.7				68×82×94.4		
Installation Dimensions(mm) (Width×Length)				30~35×48~60 / 35×60				30~35×48~60 / 35×60		
Applied Model	Contactor		DC Operation Type	DMD9b	DMD12b	DMD18b	DMD22b	DMD32b	DMD40b	DMD48b
			Reversible Type	DMC9b-R	DMC12b-R	DMC18b-R	DMC22b-R	DMC32b-R	DMC40b-R	DMC48b-R
	Switch		Open Type	DMS9b	DMS12b	DMS18b	DMS22b	DMS32b	DMS40b	DMS48b
			Reversible Type	DMS9b-R	DMS12b-R	DMS18b-R	DMS22b-R	DMS32b-R	DMS40b-R	DMS48b-R
			Enclosed Type	DMW9b	DMW12b	DMW18b	DMW22b	DMW32b	DMW40b	DMW48b
Thermal Overload Relay			Standard	DTH22b				DTH40		
			Independent Type	DTH22b				DTZ40		

MODEL				DMC50	DMC65	DMC75	DMC85	DMC100	DMC125	DMC150C	DMC150	DMC180	DMC220
Rating KS C 4504	3-Phase Cage Motor	AC3	200-220V	11kW 50A	15kW 64A	18.5kW 75A	19kW 80A	25kW 100A	30kW 125A	30kW 125A	37kW 150A	45kW 180A	55kW 230A
			380-440V	11kW 50A	30kW 65A	37kW 75A	37kW 80A	50kW 100A	60kW 120A	60kW 120A	75kW 150A	90kW 180A	110kW 230A
			500-550V	11kW 50A	37kW 60A	37kW 64A	45kW 75A	55kW 80A	60kW 90A	60kW 90A	90kW 140A	110kW 180A	132kW 200A
		AC4	200-220V	11kW 50A	11kW 50A	13kW 55A	15kW 65A	19kW 80A	22kW 93A	22kW 93A	30kW 125A	37kW 150A	45kW 180A
			380-440V	11kW 50A	22kW 47A	25kW 52A	30kW 62A	37kW 75A	45kW 90A	45kW 90A	55kW 110A	75kW 150A	90kW 180A
	Single Phade Motor		110V	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
			220V	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Resistance Load (DC1)	2-Pole Serial	110V	35A	50A	50	80A	80A	100A	100A	100A	150A	150A
			220V	15A	20A	20	50A	50A	100A	100A	100A	150A	150A
		3-Pole Serial	110V	50A	70A	80	100A	100A	150A	150A	150A	180A	220A
			220V	40A	55A	60	80A	80A	15A	15A	150A	180A	220A
Continuous Current AC 1(Ith)				80A	110A	135	150A	150A	180A	180A	200A	230A	260A
Durability (10,000 Times)			Electrical	150	150	150	100	100	100	100	100	100	100
			Mechanical	1000	1000	1000	500	500	500	500	500	500	500
External Operation Handle(Surface Type)				2a2b	2a2b	2a2b	2a2b	2a2b	2a2b	2a2b	2a2b	2a2b	2a2b
Auxiliary Contact	Side-on			DAU2Sb				-			-		
	Head-on			DAU2b, DAU4b				-			-		
Installation Method				For both screw and rail installations				For both screw and rail installations			For both screw and rail installations		
External Dimensions(mm) (W×H×D)				94×120×115.7				100×157.4×146.5			154×170×170		
Installation Dimensions(mm) (Width×Length)				50~60×100 / 60×95				80×100 / 90×125			120×120		
Applied Model	Contactor		DC Operation Type	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
			Reversible Type	DMC50-R	DMC65-R	DMC75-R	DMC85-R	-	-		-	-	-
	Switch		Open Type	DMS50	DMS65	DMS75	DMS85	DMS100	DMS125	DMS150C	DMS150	DMS180	DMS220
			Reversible Type	DMC50-R	DMS65-R	DMS75-R	DMS85-R	-	-	-	-	-	-
			Enclosed Type	DMS50	DMW65	DMW75	DMW85	-	-	-	-	-	-
Thermal Overload Relay			Standard	DTH858 (NOTE 1)				HRD150 (NOTE 2)			HRD180 (NOTE 2)		DTH220 (NOTE 2)
			Independent Type	HRD075				-			-		

Note 1) DTH85 là loại duy nhất và sử dụng để thay đổi. Note 2) HRD 150, 180, DTH220 mẫu dòng tiêu chuẩn được sản xuất như loại đơn.

Thông số định mức

Division	Model	DTH22b			DTH40			DTH85			HRD150			HRD180			DTH220		
	Nominal Rating	Adjustment Range			Adjustment Range			Adjustment Range			Adjustment Range			Adjustment Range			Adjustment Range		
		Minimum	Medium	Maximum	Minimum	Medium	Maximum	Minimum	Medium	Maximum	Minimum	Medium	Maximum	Minimum	Medium	Maximum	Minimum	Medium	Maximum
Rated Current(A)	0.52	0.4	0.52	0.63															
	0.82	0.63	0.82	1															
	1.3	1	1.3	1.6															
	2.1	1.6	2.1	2.5															
	3.3	2.5	3.3	4															
	5	4	5	6	4	5	6												
	6.5	5	6.5	8	5	6.5	8												
	7.5	6	7.5	9	6	7.5	9												
	8.5	7	8.5	10	7	8.5	10	7	8.5	10									
	11	9	11	13	9	11	13	9	11	13									
	15	12	15	18	12	15	18	12	15	18									
	19	16	19	22	16	19	22	16	19	22									
	22				18	22	26	18	22	26									
	30				24	30	36	24	30	36									
	34				28	34	40	28	34	40									
	42				34	42	50	34	42	50	34	42	50						
	55							45	55	65									
	56										45	56	67						
	65							54	65	75									
	67										54	67	80						
	74							63	74	85									
	80										65	80	95	65	80	95	65	80	100
	110										90	110	130	90	110	130	85	107	125
	130										105	130	155	105	130	155	100	130	160
	155													125	155	185	120	150	180
	200																160	200	240
Element Part	2–Element	Standard			Standard			Standard			Standard			Standard			Standard		
	3–Element	Semi–Standard			Semi–Standard			Semi–Standard			Semi–Standard			Semi–Standard			Semi–Standard		
Auxiliary Contact		1a1b			1a1b			1a1b			1c			1c			1a1b		
Return Type		For Both Manual/Automatic			For Both Manual/Automatic			For Both Manual/Automatic			For Both Manual			For Both Manual			For Both Manual/Automatic		
Power Consumption		1.8VA/Pole			2.0VA/Pole			3.5VA/Pole			2.3VA/Pole			2.3VA/Pole			2.3VA/Pole		
External Dimensions(WHD)		43 X 72 X 90.5			54 X 75.5 X 92			70 X 87 X 102.5			124 X 60 X 97			129 X 84 X 97			154 X 114 X 180		
Independent Installation Unit		DZ22b			DZ40			–			–			–			DTH220/3		
Applied Model	3–Element Type	DTH22b/3			DTH40/3			DTH85/3			HRD150/3			HRD180/3			DTK220		
	Phase Failure Protection	DTK22b			DTK40			DTK85			–			–			–		
	Independent Type	DTZ22b			DTZ40			–			–			–					
Possible Combinations for Electronic Contactor		DMC9b,12,12b,18b,22b			DMC32b,40b,48b			DMC50,65,75,85			DMC100,125,150C			DMC150,180			DMC220		
Electronic Contactor Combinations		DMC9b,12,12b,18b,22b			DMC32b,40b,48b			DMC50,65,75,85			DMC100,125,150C			DMC150,180			DMC220		

Kích thước và mẫu liên kết

Model	External Dimensions	Contact Form
DTH22b	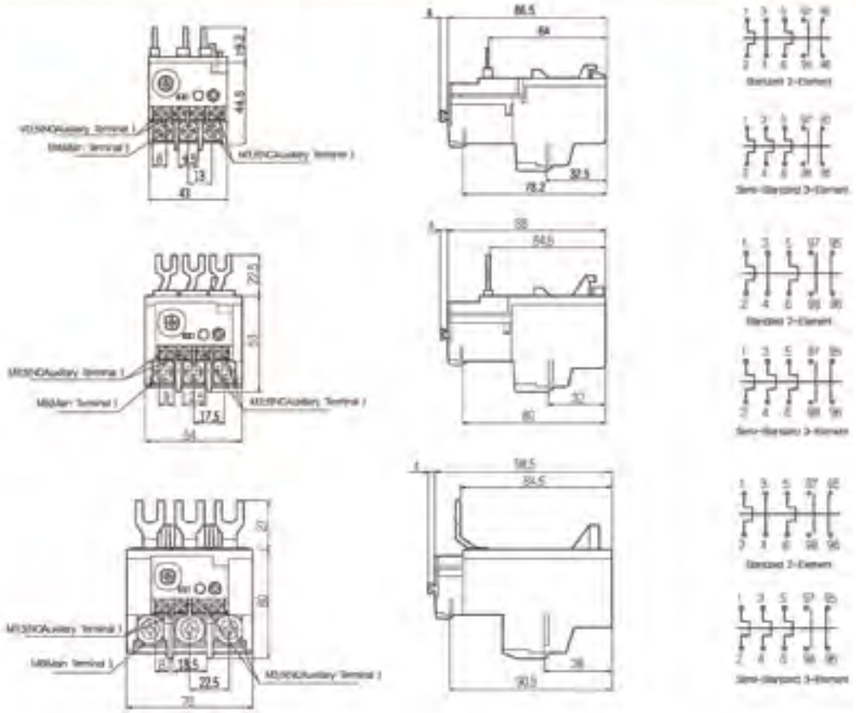	
DTH40		
DTH85	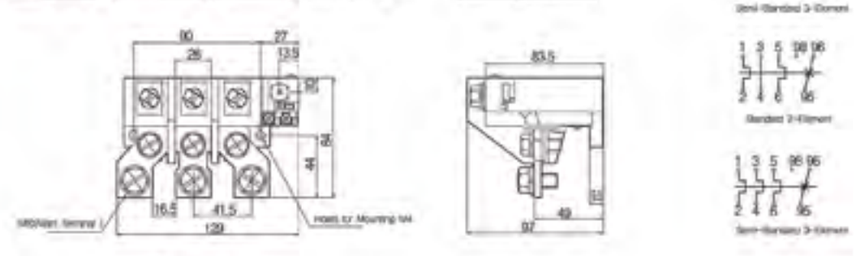	
HRD150	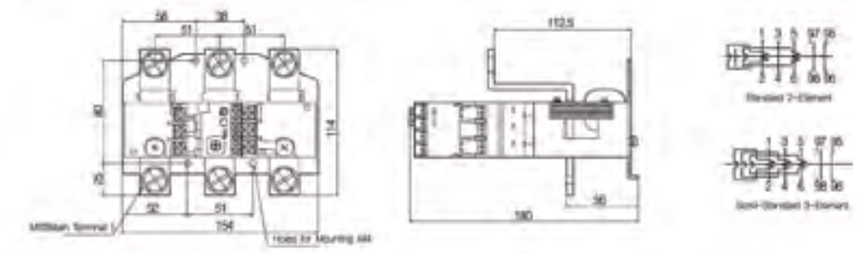	
HRD180		
DTH220		

"Dong-A Electric…

Challenging with Innovation and Creativity!"

We promise to fulfill our role and duty to become the Dong' A Electric Device that develops evermore through participatory and transparent management by customers and all employees and staffs.

Thông số định mức

M O D E L			DMC12	DAR(D)4b	DAR(D)6b	DAR(D)8b
Contact Form			4a(1a),3a1b(1b)	4a,3a1b,2a2b,1a3b,4b	6a,5a1b,4a2b,3a3b,2a4b	8a,7a1b,6a2b,5a3b,4a4b
Rated Insulation Voltage(Ui)			690V	690V		
Conductive Current(AC1)			16A	16A		
Alternating Current	Rating By Grade		AC15(11)(Coil Load)	AC15(11)(Coil Load)		AC12(13) (Resistance Load)
	Rated Current(A)	AC110V	6	6		10
		AC220V	3	3		8
		AC440V	1.5	1.5		5
		AC550V	1.2	1.2		5
	Closed Path, Braking Current(A)	AC110V	60	60		66
		AC220V	33	33		33
		AC440V	16.5	16.5		16.5
		AC550V	13.2	13.2		13.2
Direct Current Rating	Rating By Grade		DC13(11) (Coil Load)	DC13(11) (Coil Load)		DC12(14) (Resistance Load)
	Rated Current(A)	DC24V	3	3		5
		DC48V	1.5	1.5		3
		DC110V	1.1	1.1		2.5
		DC220V	0.55	0.55		1
	Closed Path, Braking Current(A)	DC24V	3.7	3.7		–
		DC48V	1.8	1.8		–
		DC110V	1.4	1.4		–
		DC220V	0.7	0.7		–
Number of Poles			4	4	6	6
Operating frequency(Number of operations/hour)			1800	1800		
Durability (10,000 Times)	AC15(11)	AC220V	50	50		
		AC440V	50	50		
	AC12(13)	AC220V	25	25		
		AC440V	25	25		
	DC13(11) DC12(14)	DC12~220V	50	50		

Thông số định mức và hiệu suất

M O D E L		DMP150	DMP250
Rated Conductive Current Ith (A)		300	500
Rated Conductive Current(A) AC110V/220V		150	250
Performance	Electrical	25 million uses	25 million uses
	Mechanical	250 million uses	250 million uses
Standard Coil Votage(V)		110, 220, 380	
Contact Form	Major Contact	1Pole	1Pole
	Auxiliary Contact	2a2b	2a2b
Weight(kg)		1.15	1.15

Kiểu mẫu đơn lẻ

M O D E L	Electronic Contactor	DMH10	DMH20
Rated Capacity(KW) (AC3,3-Phase Cage Moter)	AC200~220V	2.7	4
	AC380~440V	4	7.5
	AC500~550V	5.5	7.5
Rated Operational Current(A) (AC3,3-Phase Cage Moter)	AC200~220V	13	20
	AC380~440V	9	20
	AC500~550V	9	17
Rated Conductive Current(A) Ith (A)		20	25

Kiểu mẫu và dòng điện định mức

Type	Head-on(Head-on)				Side-on (Side-on)
Model	DAU2b	DAU2C	DAU4b	DAU4C	DAU2Sb
Number of Poles	2	2	4	4	2
Contact Form	2a, 1a1b, 2b	2a, 1a1b, 2b	4a, 3a1b, 2a2b, 1a3b, 4b	4a, 3a1b, 2a2b, 1a3b, 4b	1a1b
Applied Model	DMC9b~85b	DM9C~100C	DMC9b~85b	DM9C~100C	DM9C~48C DM50C~100C DMC9b~85b

Thông số định mức

Model		DMC20A	DMC25A	DMC32A	DMC20C	DMC25C	DMC32C
Number of Poles		2	2	2	3	3	3
Rated Conductive Current(A)		30	40	50	30	40	50
Rated Operational Current(A)	AC220V	20	25	30	20	25	30
	AC440V	17	21	26	17	21	26
Ultimate Breaking Capacity(kW)	1ø110V	0.9	1.2	2.2	0.9	1.2	2.2
	1ø220V	1.8	2.2	5.5	1.8	2.2	5.5
	3ø220V	4	5.5	9.5	4	5.5	9.5
Standard Coil Votage(VAC)		24~550(kind of 10)			24~550(kind of 10)-		
Contact Form		2A			3A, 2A1b		
Weight(kg)		0.23			0.25		

new

Thông số định mức và hiệu suất

Model		DMC-10P2	DMC-20P2	DMC-25P2	DMC-30P2	DMC-35P2	DMC-40P2
		10A	20A	25A	30A	35A	40A
Number of Poles		2	2	2	2	2	2
Contact Form		2a	2a	2a	2a	2a	2a
Rated Insulation Voltage(V)	AC	690					
	DC	250					
Rated Operational Current(A)	200~220V	10	20	25	30	35	40
	380~440V	8	17	21	23	26	32
	500~550V	6	14	17	21	23	26
Rated Conductive Current(A)		20	30	35	40	45	50
External Dimensions		74×49×62					
Weight(kg)		0.19					

new

Loại 1600AF

Model		DB1603Sa		
Number of poles		3		
Rated current In		1000, 1250, 1600		
Rated insulation voltage Ui		690V		
Rated operating voltage Ue		400V		
Icu 400V/50HZ O-CO (KA) Rated ultimate short-circuit breaking capacity		65	85	100
Ics 400V/50HZ O-CO-CO (KA) Rated service short-circuit breaking capacity (Ics =0.75Icu)		50	63.75	75
Rated Insulfion Valtage (V)		690		
Uimp (V) Rated impulse withstand voltage		8000		
Dielectric property (V)		3000		
Endurance	Total cycles	3000		
	Electrical endurance	500		
	Mechanical endurance	2500		
Ionization distance (mm)		≤80/0		
Over current trip unit	Thermal magnetic release	O		
Utilization category	Intelligent trip unit	O		
	Main circuit	B		
	Auxiliary circuit	AC-15		
Accessories	Auxiliary switch AX	○		
	Alarm switch AL	○		
	Shunt trip SHT	○		
	Direct rotary handle DH	○		
	Terminal shield	○		
	Insulation barrier	○		
External dimensions (mm)	W (a)	210		
	L (b)	406		
	H (c)	138.5		

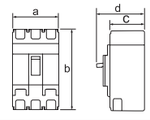

new

new

Frame Size(AF)			50AF		100F		250AF		630AF		
Model			DB53La	DB54La	DB103La	DB104La	DB203La	DB204La	DB632La	DB633La	DB634La
Number of Poles			3	4	3	4	3	4	2	3	4
ZCT Built-in			-		-		-		-		
Rating	Rated Current	A	15,20,30,40,50		15,20,30,40,50,60,80,100		125,150,160,175,200,225,250		400, 500, 600, 630		
	Rated Voltage	AC(V)	600		600		600		600		
		DC(V)	250		250		250		250		
	Rated Insulation Voltage	V	690		690		690		690		
Ultimate Breaking Capacity(kA) KS C 8321(Sym) IEC60947-2(Icu) Ics=0.5Icu	AC	600V	35		35		35		30		
		480/500V	42		42		42		65		
		460V	65		65		65		85		
		415V	65		65		65		85		
		380V	65		65		65		100		
		220V	125		125		125		125		
	DC	250V	40		40		40		40		
		125V	60		60		60		60		
Trip Unit(Thermal-Magnetic)											
	Adjustable-thermal, Fixed-magnetic	FMU	○		○		○		○		
	Overload protection(thermal)										
	Current setting(A) Ir	FMU	Adjustable 0.8 to x In								
	Short - circuit protection(magnetic)										
	Current setting(A) Im	FMU	Fixed 10 x In								
Accessories NOTE 1)	Auxiliary switch	AX	○		○		○		○		
	Alam switch	AL	○		○		○		○		
	Shunt trip	SHT	○		○		○		○		
	Direct handle	DH	-		-		-		-		
	Terminal shield		-		-		-		-		
	Insulation barrier		○		○		○		○		
External Dimensions(mm) 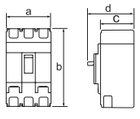		a	105	140	105	140	105	140	140		185
		b	165		165		165		275		
		c	78.5		78.5		78.5		95		
		d	110		110		110		154		
Certificates Obtained			Safety Certificate		Safety Certificate		Safety Certificate		Safety Certificate		

Bộ chuyển đổi

FMU
– DB250 : Adjustable-thermal / Fixed-magnetic

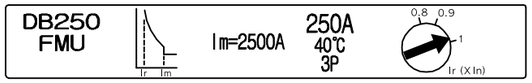

FTU
– DB250 : Fixed-thermal / Fixed-magnetic

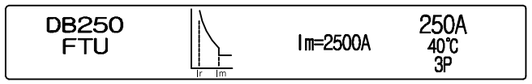

Kích thước bên ngoài và dạng tiếp điểm

Model	External Dimensions
DB53La DB103La DB203La	3P 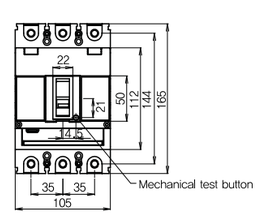 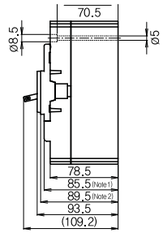 4P 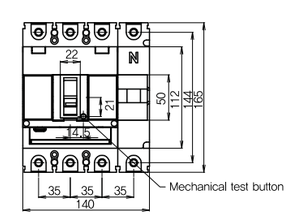
DB54La DB104La DB204La	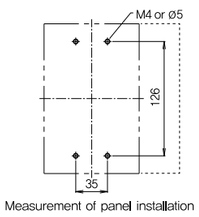 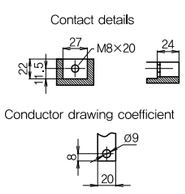 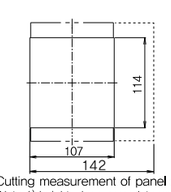

Model	External Dimensions
DB632La DB633La DB634La	3P 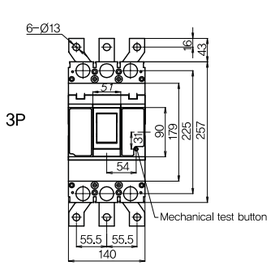 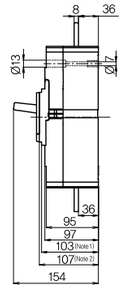 4P 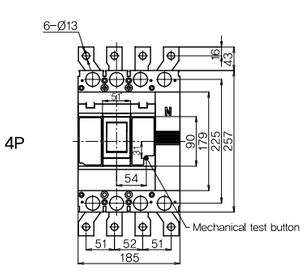
	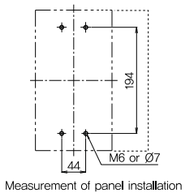 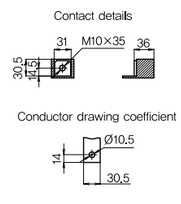 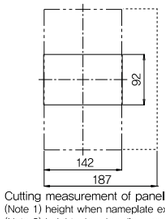

DCL
Đa dạng hóa

Đa dạng hóa được đưa ra để thiết lập điều kiện ngắt mạch bao gồm cả dòng điện trong khoảng thời gian dài hoặc trong khoảng thời gian ngắn, trong sự di chuyển nhất thời của dòng điện và nối đất, thiết bị cung cấp nhiều sự lựa chọn thỏa mãn cho nhu cầu.

Độ an toàn

Việc đóng lại năng lượng dự trữ tại lò xo, mang lại hoạt động nhanh chóng (giới hạn trong lò xo động cơ, loại sạc

DCL Loại tiêu chuẩn

Type \ Model				DCL 600/800		DCL 1000		DCL 1250		DCL 1600		DCL 2000		DCL 2500		DCL 3200		DCL 4000	
Frame size (A)				630/800		1000		1250		1600		2000		2500		3200		4000	
Rated insulation voltage (VAC)				1000		1000		1000		1000		1000		1000		1000		1000	
Rated operating voltage (VAC)				690		690		690		690		690		690		690		690	
Number of Poles (P)				3	4	3	4	3	4	3	4	3	4	3	4	3	4	3	4
Rated current (A)	Base current setting		1.0	630/800		1000		1250		1600		2000		2500		3200		4000	
			0.8	504/604		800		9360		1280		1600		2000		2560		3200	
			0.63	397/504		630		787		1008		1260		1575		2016		2520	
			0.5	315/400		500		625		800		1000		1250		1600		2000	
Rated current of neutral pole (A)				630/800		1000		1250		1600		2000		2000		2000		2000	
Rated service short circuit (Ics)	IEC VDE	With instantaneous Trip	690	30/63		30/63		30/63		35/73.5		42/88.2		50/105		50/105		50/105	
			600	30/63		35/73.5		35/73.5		42/88.2		50/105		65/143		65/143		65/143	
			500	35/73.5		40/84		40/84		50/105		50/105		65/143		65/143		65/143	
			440	42/88.2		45/94.5		50/105		50/105		65/143		65/143		65/143		65/143	
			380	42/88.2		50/105		50/105		65/143		65/143		75/165		75/165		75/165	
Rated short circuit making capacity (Icm)	BS	Without instantaneous	690	30/63		35/73.5		35/73.5		35/73.5		35/73.5		50/105		50/105		50/105	
			600	35/73.5		40/84		40/84		42/88.2		50/105		50/105		50/105		50/105	
			500이하	42/88.2		45/94.5		50/105		50/105		65/143		65/143		65/143		65/143	
Rated short time withstand current (Icw)				55		55		65		65		75		75		85		85	
Maximum total breaking time (ms)				40		40		40		40		40		40		40		40	
Closing time (ms)				60		60		60		60		60		80		80		80	
Closing operating current (A)				5		5		5		5		5		5		5		5	
Breaking current (A)				5		5		5		5		5		5		5		5	
Weigh (kg)	Fixed Type			50	62	53	66	53	66	56	68	62	70	69	75	81	90	90	100
	Drawout Type			77	87	82	89	82	89	84	95	94	100	104	110	113	125	130	145

※ Tiêu chuẩn : Giá đỡ chọn lọc, chèn cuộn, cuộn dây, công tắc phụ (3a3b), cần gạt thủ công (tiếp xúc)
※ Lựa chọn : OCR, OCGR, công tắc phụ (4a4b), UVT, đầu ra OCR, đồng hồ đo, tương thích I/O
※ Thanh cái R.S.T.N là tùy chọn.

Bản vẽ thông số kích thước

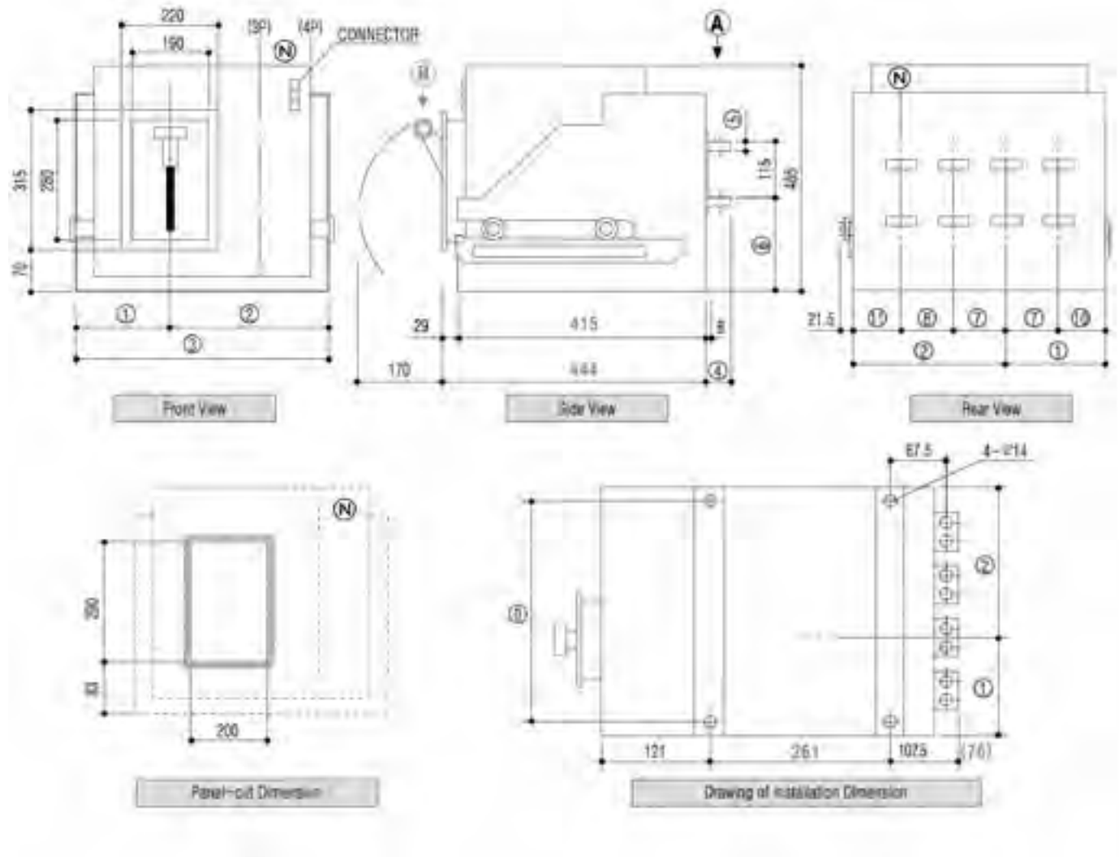

Bảng thông số

Unit : mm

TYPE	DCL															
Current capacity (A)	600/800		1000		1250		1600		2000		2500		3200		4000	
number of poles (P)	3	4	3	4	3	4	3	4	3	4	3	4	3	4	3	4
No. ①	169		169		169		191.5		214		236.5		274		319	
No. ②	169	259	169	259	169	259	191.5	281.5	214	304	236.5	341.5	274	379	319	424
No. ③	338	428	338	428	338	427	383	473	428	518	473	578	548	653	638	743
No. ④	43		43		43		43		53		53		53		78	
No. ⑤	16		16		16		16		20		20		20		20	
No. ⑥	205		205		205		205		207		207		207		207	
No. ⑦	90		90		90		105		120		135		160		190	
No. ⑧		90		90		90		97.5		105		120		132.5		147.5
No. ⑨	230	320	230	320	230	320	275	365	320	410	365	470	440	545	530	635
No. ⑩	79		79		79		86.5		94		101.5		114		129	
No. ⑪	79	79	79	79	79	79	86.5	79	94	79	101.5	86.5	114	86.5	129	86.5

Chức năng và tính năng của TS, TN

1. Thiết bị chốt vượt trội
   Thiết bị được vẫn hành một cách đáng tin cậy bởi cơ chế chốt vượt trội. Tiêu thụ một lượng nhỏ dòng điện.
2. Có khả năng theo dõi dòng điện
   Giá trị tăng nhiệt độ thấp vì tiếp xúc chính đã được thiết kế đặc biệt theo quy trình tiêu chuẩn. Terminal chỉ đơn giản là có dây để kết nối dễ dàng.
3. Phương pháp hai cuộn dây
   Áp dụng phương pháp hai cuộn dây, sẽ tương ứng với hai nguồn năng lượng khác nhau (A và B) một cách chọn lọc
   Ví dụ : Một nguồn điện AC220V trong đó nguồn điện B là DC 100V.

Ưu điểm

1. Hiệu suất vượt trội sử dụng cơ chế chốt ưu việt.
2. Tối đa hóa dòng điện tương ứng với dòng điện hoạt động tối thiểu.
3. Đóng và ngắt được thực hiện một cách nhanh chóng, công suất đóng gấp 12 lần so với dòng định mức.
4. Trọng lượng nhẹ và nhỏ gọn. Thích hợp cho các cơ sở cung cấp điện khẩn cấp.
5. Thích hợp để chuyển từ AC sang DC hoặc ngược lại.

Thông số kỹ thuật

Rating \ Type		DA 61 – TS, TN		DA 62– TS, TN		DA 64 – TS, TN	
Rated Votage (V)		AC 690 V & DC 125V					
Rated Current (A)		100		200		400	
Connection		FRONT type & BACK type					
Numver of Pole (P)		3	4	3	4	3	4
Weight (kg)	FRONT type	13	14	13	15	18	21
	BACK type	13	14	13	15	18	21
Opening time		0.06 sec					
Charge over time		0.08 sec					
Opening Current	AC 100V / 110V	10		10		16	
	AC 200V / 220V	5		5		8	
	DC 100V / 110V	10		10		16	
Performance	Switching capacity	AC : 3 [10xle Close / 8 xle Open cosØ = 0.35] DC : 1 [1.1xle Close / 1.1 xle Open]					
	Switching frequency	150 times / hour					
Rated shot-time current		5 kA				5 kA	
Short circuit peak value		12.5 kA				25 kA	

Chức năng và tính năng của MS,MSN

1. Thiết bị được thiết kế để loại bỏ các công việc bị lỗi thường xuyên bằng cách vận hành hiệu quả một thiết bị bảo vệ sự cố nối đất.
2. Hiệu quả nối đất của nguồn điện A.C. được cải thiện.
3. Nguy cơ bị điện giật phát sinh từ tai nạn sự cố đã giảm.
4. Nó được thiết kế để bảo vệ nguy cơ xảy ra tai nạn do lệch pha, đặc biệt là tại các điểm sử dụng một pha.
5. Hiếm khi xảy ra sự cố quá mức hoặc hồ quang cung cấp có hiệu quả cao bảo vệ các thiết bị kết nối khỏi hư hỏng.
6. Tín hiệu Error làm cho nó có sẵn để triểm tra với hoạt động đóng và ngắt.

Ưu điểm

1. Có một cuộn dây, một tiếp điểm vận hành và một tủ chứa.
2. Được thiết kế với cấu trúc đặc biệt sẽ làm nổi bật lên cho sự quá dòng.
3. Chỉ chiếm diện tích nhỏ.

Thông số kỹ thuật

Rating \ Type		DA 64/66 MS MSN		DA 68 MS MSN		DA 610 MS MSN		DA 612 MS MSN		DA 616 MS MSN		DA 620 MS MSN		DA 625 MS MSN		DA 632 MS MSN		DA 640 MS MSN	
Rated Votage (V)		AC 690V & DC 125V																	
Rated Current (A)		400/600		800		1000		1200		1600		2000		2500		3200		4000	
Connection		BACK type																	
Number of Pole (P)		3	4	3	4	3	4	3	4	3	4	3	4	3	4	3	4	3	4
Weight (kg)		36	41	38	50	44	52	47	57	55	68	63	73	87	105	96	120	170	210
Opening time		≦ 0.09 sec																	
Charge over time		≦ 0.12 sec																	
Opening Current	AC 110V / 110V	10	10	10	12	16	20	20	20	24	24	36	40	60	60	80	80	80	80
	AC 200V / 220V	5	5	5	6	8	10	10	10	12	12	18	20	30	30	40	40	40	40
	DC 100V / 110V	10	10	10	12	16	20	20	20	24	24	36	40	60	60	80	80	80	80
Perofrmance	Switching capacity	AC : 3 [10xle Close / 8 xle Open cosØ = 0.35] DC : 1 [1.1xle Close / 1.1 xle Open]																	
	Switching frequency	150 times / hour										30 time / hour							
Rated Current (A)		400	600	800		1000		1200		1600		2000		2500		3200		4000	
Rated shot-time current		10kA	15kA			22kA				25kA		35kA				50kA			
Short circuit peak value		25kA	37.5kA			50kA				62.5kA		87.5kA				125kA			

사업자등록증명
Certificate of Business Registration
(법인사업자)
(Corporate Taxpayer)

Issuance number: 2021-205-1104-034
Issued Date: 2021/04/01
Name of company: Dong-A Electric Co.Ltd.
Business registration number: 604-81-03330
Name of representative: MAN WOO LEE
Residence(Corporation) registration number: 180111-0006063
Address: 74, Gudeoro 123beon-gil, Saha-gu, Busan, Korea
Date of business commencement: 1994/03(Year) 01(Month) 20(Day)
Date of business registration: 1999/03(Year) 01(Month) 20(Day)
Business type: 제조/도소매
Business item: 전기제품
Recovery of Non-ferrous Ware and Scrap
Related business sector: 해당사항 없음(N/A) (To Date)
Serial No.: 0002000000031
Department: 영업부서담당
Staff in Charge: 송명기
Telephone No.: 051-250-6435
We hereby certify the above.
2021 년 10 월 20 일
Issue Date
부산세무서장 (인)
Head of Seobusan District Tax Office

국세청

CERTIFICATE

This is to certify that Dong-A Electric Device Co., Ltd. represented by MAN-WOO LEE has been designated as a Promising Export Firm by the Small & Medium Business Administration, Republic of Korea

Certificate No : 15 - 58
Certified Date : 2015. 12. 01
Issue Date : 2015. 12. 01
Expiry Date : 2017. 11. 30

JIN-HYUNG KIM
Authorized Local Signatory

BUSAN - ULSAN Export Center, SMBA

CERTIFICATE
TÜV
of Conformity
Low Voltage Directive 73/23/EEC
as last amended by EEC Directive 93/68/EEC

Registration No.: AN 50014625 0001
Report No.: 13000724 001

Holder: Dong-A Electric Device Co., Ltd.
38, Sinpyeong-dong, Saha-gu
Busan 604-030
Rep. of Korea

Product: Schütz
(Magnetic Contactor)

Identification: Type designation : DMC 65, DMC 45, DMC 50 Series
Main circuit : AC-3, 220~230V, 60A, 50/60Hz
AC-3, 380~440V, 75A, 50/60Hz
Coil circuit : 24V, 48V, 110V, 220V, 240V, 380V, 440V a.c. 50/60Hz
Serial No. : N.A. (prototype)

This certificate of conformity is based on an evaluation of a sample of the above mentioned product. Technical Report and documentation are at the Licence Holder's disposal.This is to certify that the tested sample is in conformity with all revision of Annex I of Council Directive 73/23/EEC, in its latest amended version, referred to as the Low Voltage Directive. This certificate does not imply assessment of the series-production of the product and does not permit the use of a TÜV Rheinland mark of conformity. The holder of the certificate is authorized to use this certificate in connection with the EC declaration of conformity according to Annex III of the Directive.

Certification Body
Cologne, 02.07.2002
Dipl.-Ing. U. Rödiger

TÜV Rheinland Product Safety GmbH - Am Grauen Stein - D-51105 Köln

CE The CE marking may be used if all relevant and effective EC Directives are complied with. CE

CERTIFICATE
TÜV
of Conformity
Low Voltage Directive 73/23/EEC
as last amended by EEC Directive 93/68/EEC

Registration No.: AN 50014631 0001
Report No.: 13000722 001

Holder: Dong-A Electric Device Co., Ltd.
38, Sinpyeong-dong, Saha-gu
Busan 604-030
Rep. of Korea

Product: Thermisches Überstrelais
(Thermal Overload Relay)

Identification: Type designation : MRD 025 Series
Current setting : 0.5-0.6-0.8-1, 1-1.3-1.6, 1.7-2.2-2.7, 2.4-3-3.6, 3.4-4.4, 4.5-5.6, 5.8-6.7-8.1, 9.7-12.1, 12-15-18, 14-17-20 in Ampere
Trip class : 10A ; Rated insulation voltage : 690V
Serial No. : N.A. (prototype)

This certificate of conformity is based on an evaluation of a sample of the above mentioned product. Technical Report and documentation are at the Licence Holder's disposal.This is to certify that the tested sample is in conformity with all revision of Annex I of Council Directive 73/23/EEC, in its latest amended version, referred to as the Low Voltage Directive. This certificate does not imply assessment of the series-production of the product and does not permit the use of a TÜV Rheinland mark of conformity. The holder of the certificate is authorized to use this certificate in connection with the EC declaration of conformity according to Annex III of the Directive.

Certification Body
Cologne, 02.07.2002
Dipl.-Ing. U. Rödiger

TÜV Rheinland Product Safety GmbH - Am Grauen Stein - D-51105 Köln

CE The CE marking may be used if all relevant and effective EC Directives are complied with. CE

KR

TYPE APPROVAL CERTIFICATE
형 식 승 인 증 서

Certificate No. : GC3000857-EL002 Initial Approval : 20th March, 1984.
Product : Electromagnetic Contactors
Manufacturer : Dong-A Electric Device Ind. Co., Ltd.
38, Shinpyeong-dong, Saha-gu, Busan, Korea

Product Description : Type : [MC 5(DMC 5), MC 7(DMC 7), MC 9(DMC 9), MC 12(DMC 12), MC 12S(DMC 12S), MC 15(DMC 15), MC 18(DMC 18S), MC 20(DMC 20), MC 22(DMC 22), MC 22S(DMC 22S), MC 32S(DMC 32S)-MCF 25MB, MC 40(DMC 40A), MC 50(DMC 50), MC 65(DMC 65), MC 85(DMC 85), MC 100(DMC 100), MC 125(DMC 125), MC 150(DMC 150), MC 180(DMC 180), MC 220(DMC 220), MC 300(DMC 300)]

" See Appendix 1 & 2 "

Approval Condition : Individual Product Certification is not required.

THIS IS TO CERTIFY that the above-mentioned product has been approved in accordance with the relevant requirement of this Society's Rules and / or of the recognized standards as follows and entered in the "List of Approved Manufacturers and Type Approved Equipment".
Pt. 6, Ch. 1, Art. 109 of the Rules for Classification, Steel Ships.

This Certificate is valid until 19th March, 2015.
Issued at Daejeon, Korea on 26th May, 2010.

한 국 선 급
KOREAN REGISTER OF SHIPPING
Lee Won-ho
General Manager of
Materials and Equipment Team

Note : 1. The approval will be automatically suspended and the Certificate become invalid from the expiry date of the Certificate in the event that the extension has not been granted or the renewal of the Certificate is not undertaken.
2. The manufacturer should notify this Society of any modification or changes that may affect the validity of this Certificate.

AC-2(c)(2008.12)

CERTIFICATE
TÜV
of Conformity
Low Voltage Directive 73/23/EEC
as last amended by EEC Directive 93/68/EEC

Registration No.: AN 50014617 0001
Report No.: 13000721 001

Holder: Dong-A Electric Device Co., Ltd.
38, Sinpyeong-dong, Saha-gu
Busan 604-030
Rep. of Korea

Product: Schütz
(Magnetic Contactor)

Identification: Type designation : DMC 12 Series
Main circuit : AC-3, 200~230V, 12A, 50/60Hz
AC-3, 380~440V, 9A, 50/60Hz
Coil circuit : 24V, 48V, 110V, 220V, 240V, 380V, 415V, 440V a.c. 50/60Hz
Serial No. : N.A. (prototype)

This certificate of conformity is based on an evaluation of a sample of the above mentioned product. Technical Report and documentation are at the Licence Holder's disposal.This is to certify that the tested sample is in conformity with all revision of Annex I of Council Directive 73/23/EEC, in its latest amended version, referred to as the Low Voltage Directive. This certificate does not imply assessment of the series-production of the product and does not permit the use of a TÜV Rheinland mark of conformity. The holder of the certificate is authorized to use this certificate in connection with the EC declaration of conformity according to Annex III of the Directive.

Certification Body
Cologne, 02.07.2002
Dipl.-Ing. U. Rödiger

TÜV Rheinland Product Safety GmbH - Am Grauen Stein - D-51105 Köln

CE The CE marking may be used if all relevant and effective EC Directives are complied with. CE

CERTIFICATE
TÜV
of Conformity
Low Voltage Directive 73/23/EEC
as last amended by EEC Directive 93/68/EEC

Registration No.: AN 50014636 0001
Report No.: 13000724 001

Holder: Dong-A Electric Device Co., Ltd.
38, Sinpyeong-dong, Saha-gu
Busan 604-030
Rep. of Korea

Product: Thermisches Überstrelais
(Thermal Overload Relay)

Identification: Type designation : MRD 075 Series
Current setting : 18-22-26, 24-30-34, 36-42-50, 45-54-67, 54-67-82 in Ampere
Trip class : 10A ; Rated insulation voltage : 690V
Serial No. : N.A. (prototype)

This certificate of conformity is based on an evaluation of a sample of the above mentioned product. Technical Report and documentation are at the Licence Holder's disposal.This is to certify that the tested sample is in conformity with all revision of Annex I of Council Directive 73/23/EEC, in its latest amended version, referred to as the Low Voltage Directive. This certificate does not imply assessment of the series-production of the product and does not permit the use of a TÜV Rheinland mark of conformity. The holder of the certificate is authorized to use this certificate in connection with the EC declaration of conformity according to Annex III of the Directive.

Certification Body
Cologne, 02.07.2002
Dipl.-Ing. U. Rödiger

TÜV Rheinland Product Safety GmbH - Am Grauen Stein - D-51105 Köln

CE The CE marking may be used if all relevant and effective EC Directives are complied with. CE

CERTIFICATE
TÜVRheinland
of Conformity
Low Voltage Directive 2006/95/EC

Registration No.: AN 50174866 0001
Report No.: 13603135 001

Holder: Dong-A Electric Device Co., Ltd.
38, Sinpyeong-dong, Saha-gu
Busan 604-030
Rep. of Korea

Product: Circuit Breaker
Moulded Case Circuit Breaker

Identification: Type Designation : DBS(e)Cb (Directly)
(e = 16, 6, 8 or 3; m = 2, 3 or 4; y = F, C, H or N; s = N or blank)
for details refer to the test report
Serial No. : N.A. (prototype)

This certificate of conformity is based on an evaluation of a sample of the above mentioned product. Technical Report and documentation are at the Licence Holder's disposal.This is to certify that the tested sample is in conformity with all revision of Annex I of Council Directive 2006/95/EC, in its latest amended version, referred to as the Low Voltage Directive. This certificate does not imply assessment of the series-production of the product and does not permit the use of a TÜV Rheinland mark of conformity. The holder of the certificate is authorized to use this certificate in connection with the EC declaration of conformity according to Annex III of the Directive.

Certification Body
Date 02.02.2010
Dipl.-Ing. D. Löffler

TÜV Rheinland LGA Products GmbH - Tillystraße 2 - 90431 Nürnberg

CE The CE marking may be used if all relevant and effective EC Directives are complied with. CE

CERTIFICATE

of Conformity
Low Voltage Directive 2006/95/EC

TÜVRheinland

Registration No.: AN 50174921 0001

Report No.: 13603138 001

Holder: Dong-A Electric Device Co., Ltd.
38, Singyeong-dong, Saha-gu
Busan 604-030
Rep. of Korea

Product: Circuit Breaker
Molded Case Circuit Breaker

Identification: Type Designation: DBS160 (DBmxyz)
(m = 40 or 60; x = 3 or 4;
y = C or E)
for details refer to the
test report.
Serial No.: n.a. (prototypes)

This certificate of conformity is based on an evaluation of a sample of the above mentioned product. Technical Report and documentation are at the Licence Holder's disposal.This is to certify that the tested sample is in conformity with all revision of Annex I of Council Directive 2006/95/EC, in its latest amended version, referred to as the Low Voltage Directive. This certificate does not imply assessment of the series-production of the product and does not permit the use of a TÜV Rheinland mark of conformity. The holder of the certificate is authorized to use this certificate in connection with the EC declaration of conformity according to Annex III of the Directive.

Certification Body

Date 02.02.2010

Dipl. Ing. D. Löffler

TÜV Rheinland LGA Products GmbH · Tillystraße 2 · 90431 Nürnberg

CE The CE marking may be used if all relevant and effective EC Directives are complied with. CE

Certificate
of New Excellent Product

This is to certify that the following designated product

Product: Molded Case Circuit Breakers Including Zero-phase Current Transformer(Max. 225A)

Company: Dong-A ELETRIC Device Co., Ltd.

President: Byung-Woo Seo

Address: 38, Singyeong-dong, Saha-gu, Busan, KOREA

Certificate number: NEP-2004-007(EM)

Valid until: May 07, 2010

is based on newly developed technology, and is assessed as having superior quality and performance. This certification is in accordance with Article 16 of the Industrial Technology Promotion Act and Article 18 of its Enforcement Decree

September 06, 2007

Youngju, Kim
Minister

MOCIE Ministry of Commerce, Industry & Energy
Republic of Korea

Certificate of Excellent Product

Product: Molded Case Circuit Breakers including Zero-Phase Current Transformer

Company: Dong-A Electric Device Co., Ltd.

Representative: Seo, Byeong Woo

Validity of Certificate: June 29, 2006 ~ June 28, 2009

No. 2006062

This is to certify that the above mentioned product was chosen as an Excellent Product by the Article 18 of Enforcement Decree of the Government Procurement Act

September 21, 2007

Public Procurement Service, Republic of Korea

Chief Executive Officer Kim, Sung Jin

CERTIFICATE OF QUALITY MANAGEMENT SYSTEMS

DONG-A ELECTRIC DEVICE CO., LTD.
#38, SINPYEONG-DONG, SAHA-GU, BUSAN, KOREA

This is to certify that the Quality Management Systems of this organization has been found to conform to the below Certification Standard by KTLMS

Certificate No.
KRQ - 0019

Certification Standard
KS Q ISO 9001:2009 / ISO 9001:2008

Certification Scope
Design & development, production, service of MOLDED CASE CIRCUIT BREAKER, EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER and MAGNETIC CONTACTOR(MEC-H)

Period of Validity
from 11 April 2015 until 10 April 2018
Initial Registration Date : 17 April 1997
Date of Issue : 27 March 2015

Hyun Doo, Kim
President
KTLMS Co., Ltd.

KTLMSKTLMSKTLMS

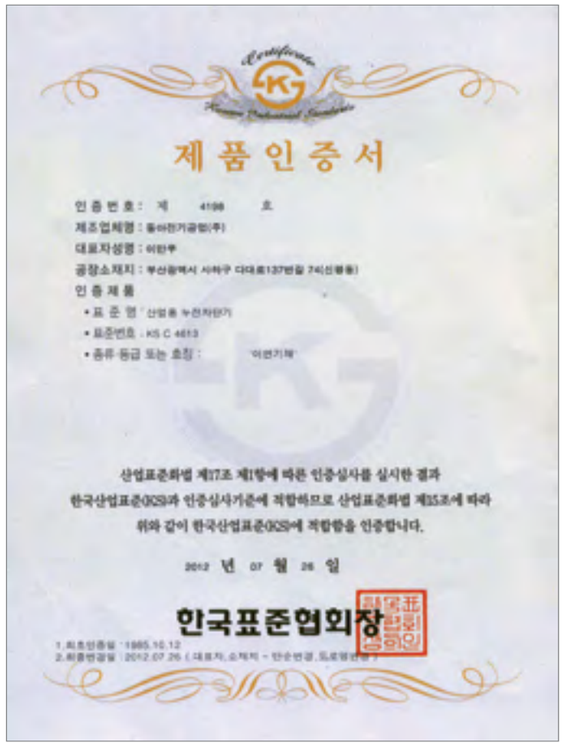

제 품 인 증 서

인 증 번 호 : 제 4198 호
제조업체명 : 동아전기공업(주)
대표자성명 : 이만우
공장소재지 : 부산광역시 사하구 다대로137번길 74(신평동)
인 증 제 품
• 표 준 명 : 산업용 누전차단기
• 표준번호 : KS C 4613
• 종류·등급 또는 호칭 : 이면기재

산업표준화법 제17조 제1항에 따른 인증심사를 실시한 결과
한국산업표준(KS)과 인증심사기준에 적합하므로 산업표준화법 제15조에 따라
위와 같이 한국산업표준(KS)에 적합함을 인증합니다.

2012 년 07 월 26 일

한국표준협회장

1. 최초인증일 : 1985.10.12
2. 최종변경일 : 2012.07.26 (대표자, 소재지 ~ 단순변경, 도로명변경)

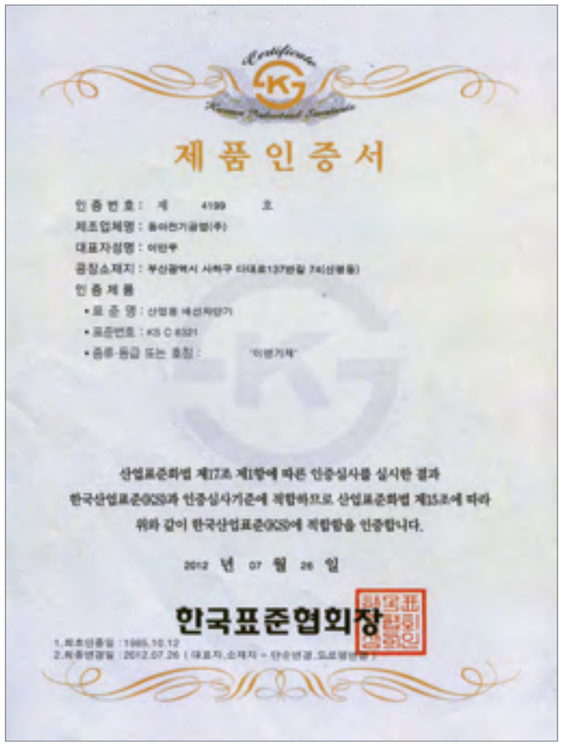

제 품 인 증 서

인 증 번 호 : 제 4199 호
제조업체명 : 동아전기공업(주)
대표자성명 : 이만우
공장소재지 : 부산광역시 사하구 다대로137번길 74(신평동)
인 증 제 품
• 표 준 명 : 산업용 배선차단기
• 표준번호 : KS C 8321
• 종류·등급 또는 호칭 : 이면기재

산업표준화법 제17조 제1항에 따른 인증심사를 실시한 결과
한국산업표준(KS)과 인증심사기준에 적합하므로 산업표준화법 제15조에 따라
위와 같이 한국산업표준(KS)에 적합함을 인증합니다.

2012 년 07 월 26 일

한국표준협회장

1. 최초인증일 : 1985.10.12
2. 최종변경일 : 2012.07.26 (대표자, 소재지 ~ 단순변경, 도로명변경)

Major Account Customers

Government

LH · KOGAS · ND · SH · 한국남동발전(주) · 에스에이치공사 · 한국환경공단 · 조달청 · 서울 도시철도 · KRA · 한국도로공사 · 경상북도개발공사 · 전라남도개발공사 · 대한민국 국방부 · 대림원 · 경기도시공사 · KORAIL · 한국철도공사 · 경기도교육청 · 인천광역시교육청 · 서울특별시교육청 · 충청북도교육청 · 부산교통공사 · Dynamic BUSAN 건설본부 · 부산광역시교육청 · 전라북도교육청 · 중소기업청 Small & Medium Business Administration

Construction & Telecommunication

미래산업 · 중흥건설 · SK건업 · 포스코건설 · 한일건영 · 백산건설 · 계룡건설 · 산성건설 · LH · 성원건설 · LG U+ · CJ · legrand · SAMSUNG 삼성물산 · kt · 효성 · LS네트웍스 · 현대건설 · SAMSUNG 삼성중공업 · DOOSAN 두산중공업 · 현대중공업

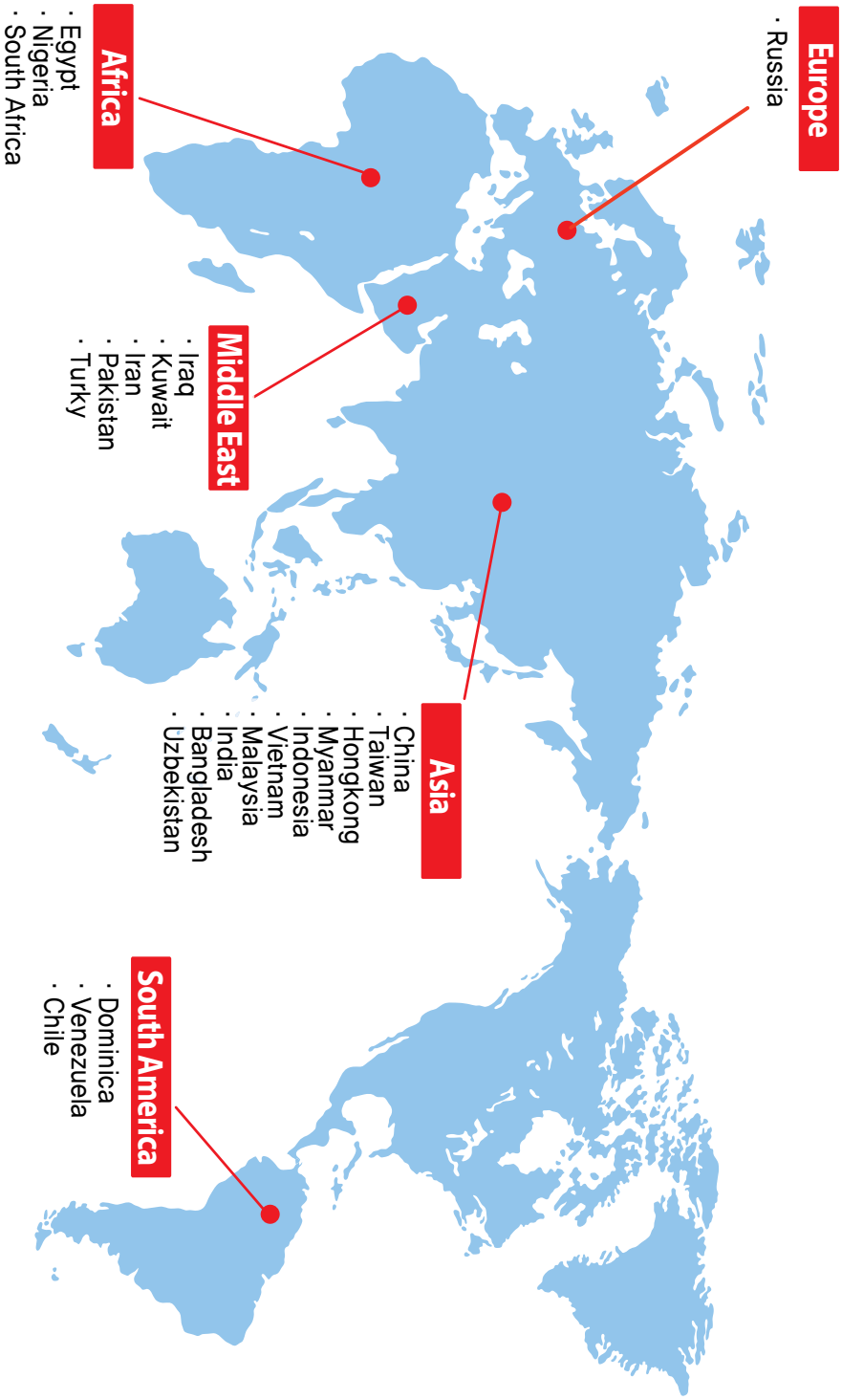

[Head Office] 74, Dadae-ro 137beon-gil, Saha-gu, Busan, Korea
TEL : 82-51-200-4112 FAX : 82-81-294-0305
E-mail : sales@devico.co.kr

DONG®A ELECTRIC DEVICE CO.,LTD.

www.devico.co.kr

2016. 01